UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ XÂY DỰNG THỪA THIÊN HUẾ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 33
Ngày 03 tháng 01 năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17/6/2014;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ - CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý Vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch khai thác cát, sỏi xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3182/SXD-QLXD ngày 20/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số: 936/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của UBND tỉnh về việc Quy định về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Khu kinh tế Công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP và các CV;
- Lưu: VT, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-UBND ngày 03 /01/2019 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quản lý, sử dụng các bãi vật liệu xây dựng cát, sỏi tiếp giáp sông, gắn với việc sử dụng bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng được quản lý, sử dụng theo nội dung của quy định này và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc quản lý, sử dụng các bến bãi vật liệu xây dựng cát, sỏi; tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư xây dựng và hoạt động bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi (sau đây gọi là nhà đầu tư); các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi (sau đây gọi là bến, bãi) trong quy định này được hiểu là địa điểm cụ thể để tập kết và tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi. Nếu địa điểm chưa được cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa của cấp có thẩm quyền thì địa điểm đó chỉ đơn thuần là bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định về xây dựng bến, bãi

1. Vị trí: Địa điểm xây dựng bến, bãi phù hợp với địa điểm được quy hoạch xây dựng bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh *(Phụ lục I)*.

2. Khả năng tập kết: Chiều cao tập kết cát, sỏi tối đa 5m; xung quanh bến bãi phải xây dựng tường bao để đảm bảo cát, sỏi và nước thải không được tràn ra ngoài phạm vi bến bãi.

3. Quy định thiết kế, xây dựng bãi:

- Diện tích khu vực sử dụng làm bãi tập kết: $\geq 300m^2$.

- Nhà điều hành: Nhà tạm dạng bán kiên cố, 1 tầng, mái tôn hoặc ngói; chiều cao công trình $\leq$ 6m; diện tích $\leq 50m^2$.

- Tường rào:

+ Đối với những bãi vị trí gần khu dân cư và đường giao thông (cách khu dân cư và đường giao thông ≤20m) tiếp tục áp dụng chiều cao tường rào theo quy định tường xây cao từ 1,5m - 2,5m;

+ Đối với những bãi xa khu dân cư và đường giao thông (cách khu dân cư và đường giao thông ≥20m) chiều cao tường rào 0,5m – 1m;

- Cổng phù hợp với cảnh quan, môi trường xung quanh; có biển ghi rõ tên cửa hàng, tên doanh nghiệp hoặc tên hộ.

- Kết cấu công trình do nhà đầu tư tự quyết định và phải đảm bảo an toàn trong thời gian khai thác, sử dụng và các công trình lân cận.

- Công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, thời gian tồn tại công trình ghi trong giấy phép (không quá 5 năm).

- Khi hết thời hạn của giấy phép nếu không được tiếp tục gia hạn thì chủ bến bãi tự tháo dỡ công trình, vật kiến trúc đã xây dựng để bàn giao mặt bằng lại cho Nhà nước và không được bồi thường, hỗ trợ; trường hợp do yêu cầu thu hồi đất đột xuất khi giấy phép còn thời gian hoạt động do điều chỉnh quy hoạch, thì chủ bến, bãi sẽ được bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

4. Đảm bảo điều kiện về môi trường:

Thực hiện theo đúng Kế hoạch Bảo vệ môi trường nêu trong Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường được UBND cấp huyện xác nhận *(Mẫu ở Phụ lục IV)*.

5. Đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ:

Phải có đủ phương tiện, thiết bị để đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

6. Đảm bảo an toàn giao thông: Để đảm bảo điều kiện lưu thông, an toàn cho du khách, kết cấu hạ tầng giao thông khu vực, thống nhất phương án quản lý hoạt động các phương tiện trên Sông Hương đoạn từ cầu Dã Viên đến cuối Cồn Hến như sau:

- Cấm các phương tiện vận chuyển vật liệu (cát, sỏi) có công suất lớn hơn 24CV và xà lan đậu, đỗ, lưu thông;

- Các phương tiện vận chuyển vật liệu (cát, sỏi) có công suất nhỏ hơn hoặc bằng 24CV (≤ 24CV) được phép lưu thông trong thời gian từ 06h00 sáng đến 17h00 (cấm lưu thông vào ban đêm từ 17h00 đến 6h00 sáng hôm sau). Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển, lưu thông vào ban đêm phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động;

7. Xây dựng và công bố nội quy hoạt động bến, bãi (nội dung cụ thể do chủ đầu tư xây dựng nhưng phải bao gồm các nội dung được quy định tại Quy chế hoạt động bến, bãi ở Mẫu Kế hoạch Bảo vệ môi trường - *Phụ lục IV*).

8. Quy định tập kết cát, sỏi: Các bãi tập kết cát, sỏi trên tuyến sông Hương yêu cầu tập kết bằng ống đẩy, khoảng cách từ tường rào của bãi tập kết cát, sỏi đến mép bờ sông đảm bảo hành lang bảo vệ nguồn nước và không ảnh hưởng đến cảnh quan;

9. Điều kiện khác:

Nhà điều hành bến, bãi chỉ sử dụng để quản lý và hoạt động bến, bãi; không được sử dụng cho các mục đích khác.

Điều 5. Quy định lựa chọn chủ đầu tư và sử dụng đất bến, bãi

1. Đối với đất do UBND xã quản lý

Nhà đầu tư liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện để được hướng dẫn tham gia đấu giá quyền sử dụng đất có thời hạn theo quy định *(Quy trình ở Phụ lục II)*.

Khi hết thời hạn hoạt động, chủ bến, bãi đang hoạt động được ưu tiên thuê lại; giá thuê lại theo quy định của Nhà nước nhưng không thấp hơn giá trúng đấu giá.

2. Đối với đất hiện do hộ gia đình quản lý

Nhà đầu tư thỏa thuận thuê đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc góp vốn liên doanh với các chủ sử dụng đất để xây dựng bến, bãi *(Quy trình ở Phụ lục III)*.

Trường hợp hộ gia đình đang sử dụng đất để xây dựng bến, bãi *(Quy trình ở Phụ lục III)*.

Trường hợp đất đang sử dụng là đất nông nghiệp thì phải lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất làm mặt bằng sản xuất phi nông nghiệp hoặc có thể thỏa thuận với chủ sử dụng đất thống nhất để Nhà nước thu hồi và cho thuê đất có thời hạn, sau khi hết thời hạn thì trả lại cho chủ sử dụng đất tiếp tục sử dụng theo mục đích trước khi thu hồi.

Điều 6. Hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Hồ sơ xin cấp phép xây dựng có thời hạn nộp tại UBND cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ), 03 bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép xây dựng có thời hạn *(Mẫu ở Phụ lục V)*.

b) Hồ sơ thiết kế.

c) Giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất cho mục đích làm bến bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi.

2. Thẩm quyền giải quyết: UBND cấp huyện.

3. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc.

Điều 7. Điều kiện để đưa bến, bãi vào hoạt động

Bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng chỉ được đưa vào hoạt động, khi đảm bảo đủ các điều kiện sau:

1. Có giấy đăng ký phù hợp ngành nghề;

2. Có Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường được UBND cấp huyện xác nhận (bao gồm quy chế hoạt động bến, bãi);

3. Đã hoàn thành việc xây dựng công trình bến, bãi theo giấy phép xây dựng có thời hạn được cấp và Giấy phép xây dựng đang còn thời gian hiệu lực;

4. Có giấy phép hoạt động bến thuỷ nội địa của cấp có thẩm quyền *(Mẫu đơn ở Phụ lục VI);*

5. Giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất cho mục đích làm bến bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi;

6. Đảm bảo điều kiện về an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định;

7. Có Nội quy hoạt động bến bãi.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cấp, các ngành

1. Sở Xây dựng:

- Tham mưu UBND tỉnh cập nhật, bổ sung quy hoạch các vị trí xây dựng bến, bãi;

- Hướng dẫn UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để theo dõi, kiểm tra hoạt động các bến, bãi.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trình UBND tỉnh quyết định giao/cho thuê đất đối với tổ chức;

- Hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc cấp Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để theo dõi, kiểm tra hoạt động các bến, bãi.

3. Sở Giao thông Vận tải:

- Chỉ đạo việc cấp giấy phép mở bến thủy nội địa đối với các bến, bãi tập kết vật liệu cát, sỏi nằm trong quy hoạch được duyệt.

- Tăng cường chỉ đạo kiểm tra điều kiện hoạt động của phương tiện thủy nội địa vận chuyển vật liệu cát, sỏi cho các bến bãi theo đúng quy định.

4. Công an tỉnh:

- Thường xuyên kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Giao thông đường bộ, Luật Bảo vệ môi trường;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để theo dõi, kiểm tra hoạt động các bến, bãi.

5. UBND cấp huyện:

- Chỉ đạo giải tỏa các bến, bãi không thuộc danh mục địa điểm xây dựng, bến, bãi quy định tại Điều 1 Quy định này;

- Chỉ đạo, thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất; phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết thủ tục giao/cho thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá; thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân để sử dụng vào mục đích lập bến, bãi theo đúng quy hoạch và theo các quy định hiện hành;

- Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nội dung theo Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận;

- Thực hiện việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và kiểm tra việc xây dựng bãi tập kết theo đúng giấy phép xây dựng;

- Theo dõi, kiểm tra hoạt động bến, bãi theo nội quy hoạt động bến, bãi;

- Trực tiếp theo dõi, kiểm tra tình hình hoạt động khai thác và bến bãi tập kết cát sỏi trên địa bàn quản lý; kịp thời phát hiện, báo cáo và phối hợp các cơ quan có chức năng kiểm tra, xử lý các trường hợp thực hiện không đúng theo quy định;

- Báo cáo định kỳ (6 tháng, năm) hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của các đơn vị khai thác, xây dựng bến, bãi trên địa bàn đến Sở Xây dựng;

- Các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ;

- Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện: Tổ chức đo vẽ, hoàn chỉnh hồ sơ để báo cáo UBND cấp huyện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất làm bến, bãi đối với các khu vực đất do UBND xã quản lý; làm đầu mối hoàn chỉnh hồ sơ đất đai cho các tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất làm bến, bãi.

6. UBND cấp xã:

- Theo dõi, kiểm tra tình hình hoạt động bến, bãi trên địa bàn; kịp thời phát hiện, báo cáo và phối hợp các cơ quan có chức năng kiểm tra, xử lý các trường hợp thực hiện không đúng theo quy định;

- Các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 9. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân hoạt động bến, bãi

- Chấp hành và phổ biến cho các đối tượng liên quan hoạt động bến, bãi thực hiện đúng theo các nội dung của quy định này, nội quy hoạt động bến, bãi và các văn bản pháp luật liên quan khác.

- Đối với tổ chức, cá nhân trúng đấu giá: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả đấu giá, nếu nhà đầu tư không tiến hành triển khai hoạt động, UBND cấp huyện sẽ thu hồi và huỷ kết quả trúng đấu giá; tiến hành tổ chức cho đăng ký đấu giá lại. Mọi chi phí liên quan do trong quá trình triển khai dở dang, nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm.

- Đối với đất hộ gia đình quản lý: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng; nếu nhà đầu tư không tiến hành triển khai hoạt động, UBND cấp huyện sẽ thu hồi giấy phép xây dựng. Mọi chi phí liên quan trong quá trình triển khai dở dang, nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

Phụ lục I

Danh mục địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi	Tọa độ trung tâm	Mang số hiệu trên bản đồ	Chủ sử dụng	Loại đất	Mô tả bãi
1	2	3	4	5	6	7
I	**Huyện Phong Điền (6 điểm)**					
1	Bãi thôn Cổ Bi 2, xã Phong Sơn	X=1825070 Y= 546218	TK3	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Diện tích khoảng 1500m2; Bãi nằm trên bờ Sông Bồ, cạnh T.Lộ 11B
2	Bãi Phò Ninh, thôn Phò Ninh, xã Phong An	X=1828570 Y= 546946	TK5	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi nằm trên sông Bồ, cạnh tỉnh lộ 11B.
3	Bãi thôn Trạch Hữu, xã Phong Thu	X= 1833655 Y= 537409	BS1	UB Xã		Diện tích khoảng 1300m2
4	Bãi thôn 2, xã Điền Hải	X= 1841588 Y= 550112	BS2	UB Xã	Đất lúa cấp theo Nghị Định 64	Diện tích khoảng 1000m2
5	Bãi thôn Đông Thái, xã Phong Mỹ	X= 1827149 Y= 534002	BS3	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Diện tích khoảng 1000m2
6	Bãi Vân Trình, Thôn Tây Phú, xã Phong Bình	X= 1845928 Y= 536404	BS4	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Diện tích khoảng 1000m2
II	**Huyện Quảng Điền (5 điểm)**					
1	Bãi La Vân Thượng-La Vân Hạ, xã Quảng Thọ	X=1828204 Y= 556834	TK23	UB Xã	Đất bằng trồng cây hằng năm	Bãi nằm cạnh sông Bồ, nằm cạnh đường nhựa.
2	Bãi La Vân Thượng, xã Quảng Thọ	X= 1827225 Y= 556393		UB Xã	Đất bằng trồng cây hằng năm	Bãi nằm cạnh sông Bồ, nằm cạnh đường nhựa.
3	Bãi Phước Yên 2, thôn Phước Yên, xã Quảng Thọ	X=1826939 Y= 554313	TK24	UB Xã	Đất bằng trồng cây hằng năm	Bãi nằm cạnh sông Bồ, cạnh đường tỉnh lộ 8A, gần cầu Thanh Lương

4	Bãi Phú Lễ, thôn Phú Lễ, xã Quảng Phú	X=1830185 Y= 548977	TK48	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi nằm cạnh sông Bồ và cách tỉnh lộ 11A khoảng 70m.
5	Bãi Phước Yên 1 (bà Nguyễn Thị Kim Anh), thôn Phước Yên, xã Quảng Thọ	X=1827234 Y= 554290	TK54	Hộ gia đình	Đất sản xuất nông nghiệp	Bãi nằm cạnh sông Bồ và tuyến đường Đập Mít - La Vân Hạ
III	**Huyện Phú Lộc (5 điểm)**					
1	Thôn Lương Điền Thượng, xã Lộc Điền (Khu vực Cầu Máng)	X=1803224 Y= 581893	TK36	Hộ gia đình	Đất trồng cây lâu năm	Bãi nằm cạnh sông Truồi.
2	Thôn Phước Hưng, xã Lộc Thuỷ	X=1800045 Y= 600783	TK38	UB Xã	Đất giao thông	Bãi nằm dọc sông Bù Lu.
3	Thôn Trung Kiền, xã Lộc Tiến	X=1798528 Y= 605660	TK39	UB Xã	Đất rừng trồng sản xuất Đất bằng chưa sử dụng	Bãi nằm sát đường nhựa vào suối Bầu Ghè, cách Quốc lộ 1km về phía nam và cách mỏ đá Thừa Lưu 500m về phía Nam. Bãi nằm trong khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
4	Bãi Cây Sen - thôn Nam Phổ Cần - xã Lộc An	X=1804846 Y= 582110	TK55	UB xã	Đất lúa cấp theo Nghị Định 64	Bãi nằm sát sông Truồi và sát đường liên xã Lộc An - Lộc Hòa
5	Bãi tập kết cát nội đồng tại thôn Thủy Yên Hạ, xã Lộc Thủy	X= 1798992 Y= 602108	BS5	Hộ gia đình	Đất trồng cây hàng năm	Nằm bên cạnh đường vào mỏ đá Khe Diều, cách QL1 khoảng 800m.
IV	**Huyện Phú Vang (2 điểm)**					
1	Thôn Triêm Ân - Xã Phú Mậu	X= 1826929 Y= 561643	TK33	UB Xã	Đất bằng trồng cây hằng năm khác	Bãi dọc Sông Hương.
2	Thôn Lại Lộc, xã Phú Thanh, huyện Phú Vang (6 bãi)	X= 1828910 Y= 562193	BS6	UB Xã	Đất bãi bồi ven sông	Bãi dọc sông Hương
V	**Huyện Alưới (5 điểm)**					
1	Xã Hồng Quảng	X= 1798466 Y= 523380	TK42	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi cách khu dân cư 250m, cạnh rừng trồng sản xuất và đất trồng cây hằng năm
2	Xã Hồng Bắc	X=1799908 Y= 522469	TK43	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng Đất nương rẫy	Bãi nằm đường Hồ Chí Minh khoảng 1500m
3	Xã Hồng Hạ	X=1801538 Y= 538284	TK44	UB Xã	Đất rừng trồng sản xuất	Bãi nằm cạnh khu dân cư, cách cầu khoảng 160m

4	Xã Hồng Thượng	X=1792692 Y= 530254	TK45	UB Xã	Đất trồng cây lâu năm	Bãi cạnh khu dân cư, cách đường Hồ Chí Minh 120m
5	Xã Aroàng	X=1781756 Y= 541679	TK46	UB Xã	Đất trồng lúa Rừng trồng	Bãi cách đường nhựa khoảng 130m
VI	**Huyện Nam Đông (4 điểm)**					
1	Bãi Tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre	X= 1788654 Y= 576337	BS7			Diện tích khoảng 5000 m2
2	Bãi Tổ dân phố 5, thị trấn Khe Tre	X= 1788148 Y= 576990	BS8			Diện tích khoảng 1200 m2
3	Bãi thôn 2, xã Hương Lộc	X= 1786648 Y= 577689	BS9			Diện tích khoảng 5000 m2
4	Bãi thôn Phú Thuận, xã Hương Giang	X= 1778512 Y= 572935	BS10			Diện tích khoảng 5000 m2
VII	**Thị xã Hương Trà (12 điểm)**					
1	Thôn Lại Bằng, phường Hương Vân	X=1825467 Y= 546431	TK8	UB Xã	Đất sản xuất kinh doanh (Bãi cát sạn)	Bãi nằm trên sông Bồ, nằm cạnh đường bêtông liên thôn
2	Khu vực Khe Băng, phường Hương Vân	X=1821995 Y= 547413	TK9	Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn sông Bồ	Đất rừng phòng hộ	Bãi cách đường nhựa khoảng 400m
3	Thôn Lai Thành, phường Hương Vân	X=1826107 Y= 546694	TK10	UB Xã	Đất sản xuất kinh doanh	Bãi cách trụ sở UBND xã Hương Vân khoảng 2,3km.
4	Thôn Giáp Tư, phường Hương Văn	X=1827624 Y= 552363	TK11	UB Xã	Đất bằng trồng cây hằng năm	Bãi nằm trên sông Bồ, cạnh đường bê tông.
5	Bãi thôn Liên Bằng - xã Hương Thọ	X= 1811497 Y= 560320	TK56	Hộ gia đình	Đất trồng cây lâu năm	Bãi nằm sát sông Hữu Trạch, cách đường QL49 khoảng 65m
6	Thôn Long Hồ Hạ, xã Hương Hồ	X= 1819380 Y= 556359	TK15	Hộ gia đình	Đất bằng trồng cây hằng năm khác	Bãi dọc sông Bạch Yến, cách sông Hương khoảng 150m, cách đường tỉnh lộ 12B khoảng 68m.

7	Thôn Long Hồ Hạ, xã Hương Hồ	X= 1819310 Y= 556189	BS11	Hộ gia đình		Bãi dọc sông Bạch Yến, Thửa đất số BHK.60, tờ bản đồ 23, diện tích 1361m2
8	Bãi cát, sỏi tại thôn La Khê Bãi, xã Hương Thọ	X= 561175,02 Y= 1813585,44	BS12	Hộ gia đình	Đất sản xuất nông nghiệp	Diện tích khoảng 790m2
9	Bãi cát, sỏi tại thôn La Khê Bãi, xã Hương Thọ	X= 561169,34 Y= 1813644,92	BS13	Hộ gia đình	Đất trồng cây lâu năm	Diện tích khoảng 1856m2
10	Thôn Thuỷ Tú, xã Hương Vinh	X= 1828123 Y= 560639	TK18	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi dọc sông Bồ đổ vào Sông Hương, cách cầu 250m, cách sông Hương khoảng 350m.
11	Thôn Thanh Phước, xã Hương Phong	X=1829056 Y= 561711	TK20	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi nằm dọc theo sông Hương cách đường liên thôn 100m.
12	Thôn Hải Cát, xã Hương Thọ	X= 1814572 Y= 560307	TK47	UB Xã	Đất trồng cây lâu năm	Bãi dọc Khe Thương, cách sông Hương khoảng 120m.
VIII	**Thị xã Hương Thủy (10 Điểm)**					
1	Khe Lụ, thôn Vỹ Dạ, xã Thủy Bằng	X= 1808727 Y= 566238	TK27	UB Xã	Đất màu	Bãi dọc Khe Lụ đổ vào Sông Hương, cạnh đường nhựa, cách sông Hương khoảng 750m. Đất trồng màu đang chờ thu hoạch.
2	Thôn Thanh Vân (Bãi cầu Thăng Long), xã Dương Hòa	X= 1805079 Y= 566190	TK28	UB Xã	Đất trồng cây lâu năm	Bãi dọc Sông Hương.
3	Khe Châu Ê, thôn La Khê, xã Thủy Bằng	X= 1813850,844 Y= 561530,103	BS14	UB Xã	Đất biền bãi do UBND xã quản lý	Diện tích khoảng 500m2
4	Thôn Tân Ba, xã Thủy Bằng		BS15	UB Xã	Đất biền bãi do UBND xã quản lý	Diện tích khoảng 500m2
5	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng	X= 1815915 Y= 560199	BS16	Hộ gia đình	Đất ở cá nhân	Diện tích đất khoảng 500 m2
6	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng (T128-04)	X= 1815765 Y= 560237	BS17	Hộ gia đình	Đất ở, đất trồng cây lâu năm	Diện tích đất 1120m2
7	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng (T66-04)	X= 1815909,649 Y= 560137,98	BS18	Hộ gia đình	Đất ở, đất trồng cây lâu năm	Diện tích đất 1568 m2

8	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng (T38-04)	X= 1815912,48 Y= 560208,17	BS19	Hộ gia đình	Đất ở, đất trồng cây hàng năm	Diện tích đất 980 m2 (đã đi liên ngành)
9	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng (T199-04)	X= 1815647 Y= 560291	BS20	Hộ gia đình	Đất trồng cây lâu năm	Diện tích đất 1824,2 m2
10	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng (T107-04)	X= 1815819 Y= 560168	BS21	Hộ gia đình	Đất ở, đất trồng cây lâu năm	Diện tích đất 1416 m2
IX	**Thành phố Huế (5 điểm)**					
1	62 Đường Đặng Tất, phường An Hòa	X= 1822964 Y= 559556	TK25	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi nằm cạnh đường Đặng Tất, dọc sông An Hoà. Cách sông Hương khoảng 2300m.
2	Khu Định Cư Bãi Dâu - Tổ 12 KV5, phường Phú Hậu	X= 1824475 Y= 562192	TK26	UB Xã	Đất màu	Bãi nằm cạnh đường Hoàng Văn Lịch
3	Thửa đất số 50, tờ bản đồ 36 phường Thủy Xuân	X= 1816689 Y= 560306	BS22	Hộ gia đình	Đất vườn liền kề đất ở	Đất của ông Thân Thúc Trai, chưa đăng cấp giấy đăng ký quyền sử dụng đất, khu vực Cầu Bối.
4	Thửa đất số 51, tờ bản đồ 36 phường Thủy Xuân	X= 1816638 Y= 560264	BS23	Hộ gia đình	Đất vườn liền kề đất ở	Đất của ông Thân Bá Dũng, chưa đăng cấp giấy đăng ký quyền sử dụng đất, khu vực Cầu Bối.
5	Thửa đất số 85, tờ bản đồ 44 phường Thủy Biều	X= 1816665 Y= 560226	BS24	Hộ gia đình	Đất vườn liền kề đất ở	Đất của ông Thân Trọng Hải, chưa đăng cấp giấy đăng ký quyền sử dụng đất, khu vực Cầu Bối.
	Tổng cộng: 54 điểm.					

Phụ lục II

LƯU ĐỒ QUY TRÌNH THỦ TỤC LẬP BÃI TẬP KẾT CÁT, SỎI

(Đối với đất do cấp xã quản lý)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01năm 2019 của UBND tỉnh)

Các bước	Trách nhiệm	Thời hạn (ngày làm việc)
Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất có thời hạn (không quá 5 năm)	**Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện**	05 ngày
UBND cấp huyện ra quyết định phê duyệt kết quả đấu giá	**UBND cấp huyện**	02 ngày
Trung tâm phát triển Quỹ đất cấp huyện hoàn thành thủ tục đất đai; đơn vị trúng đấu giá (Nhà đầu tư) lập các thủ tục hồ sơ liên quan	Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện Nhà đầu tư	
Xác nhận Kế hoạch Bảo vệ môi trường	**UBND cấp huyện**	05 ngày
Cấp phép hoạt động bến (nếu có)	**Sở Giao thông**	05 ngày
Cấp phép xây dựng có thời hạn	**UBND cấp huyện**	05 ngày

Phụ lục III

LƯU ĐỒ QUY TRÌNH THỦ TỤC LẬP BÃI TẬP KẾT CÁT, SỎI

(Đối với đất do hộ gia đình quản lý)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)

Các bước	Trách nhiệm	Thời hạn (ngày làm việc)
Nhà đầu tư là hộ gia đình đang sử dụng đất Nhà đầu tư hợp đồng thuê đất với hộ gia đình	**Nhà đầu tư**	
Lập thủ tục chuyển mục đích tại UBND cấp huyện	**UBND cấp huyện**	05 ngày
Nhà đầu tư lập các thủ tục, hồ sơ	**Nhà đầu tư**	
Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	**UBND cấp huyện**	05 ngày
Cấp phép hoạt động bến (nếu có)	**Sở Giao thông**	05 ngày
Cấp phép xây dựng tạm	**UBND cấp huyện**	05 ngày

Phụ lục IV

MẪU KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa điểm), ngày..... tháng ..... năm 20.....

Kính gửi: (1)
.....
.....

Gửi đến (1) kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên dự án: (đúng như tên trong báo cáo đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật/phương án sản xuất - kinh doanh hoặc tài liệu tương đương của Dự án).

1.2. Tên cá nhân, tổ chức: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ: ...

1.4. Người đại diện theo pháp luật: ...

1.5. Phương tiện liên lạc: (số điện thoại, số Fax, E-mail .. .).

II. ĐỊA ĐIỂM HOẠT ĐỘNG BẾN, BÃI KINH DOANH VLXD CÁT, SỎI

- Mô tả vị trí địa lý (tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới) của địa điểm hoạt động bãi tập kết kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông ...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử ...) và các đối tượng khác xung quanh khu vực bãi tập kết cát, sỏi.

- Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của bãi tập kết kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

III. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BẾN, BÃI KINH DOANH VLXD CÁT, SỎI

Quy chế hoạt động bến, bãi cần đảm bảo một số nội dung chính sau:

- Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng bãi tập kết: đăng ký công suất bãi (..... m3/năm); thời gian hoạt động bến, bãi; tải trọng vận chuyển; Liệt kê số lượng phương tiện vận chuyển; máy móc thiết bị phù hợp kèm theo tình trạng của chúng.

- Phương tiện vận chuyển phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, phải được đăng kiểm và có đủ các giấy tờ theo quy định hiện hành.

- Thời gian hoạt động: tùy theo từng khu vực xin thuê đất làm bãi tập kết để xây dựng thời gian phù hợp, hạn chế ảnh hưởng môi trường, cảnh quan khu vực.

- Vận chuyển vật liệu cát, sỏi phải đúng tải trọng cho phép, đảm bảo điều kiện an toàn, môi trường khi lưu thông.

- Đảm bảo các tiêu chí về môi trường, an toàn theo quy định hiện hành;

- Cát, sỏi tập kết phải đảm bảo điều kiện an toàn, không chắn tầm nhìn, không vương vãi ra bên ngoài…

IV. NHU CẦU NGUYÊN, NHIÊN LIỆU SỬ DỤNG

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp.

- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước.

V. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

5.1. Các loại chất thải phát sinh

5.1.1. Khí thải: ...

5.1.2. Nước thải: ...

5.1.3. Chất thải rắn: ...

5.1.4. Chất thải khác: ...

(Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải và hàm lượng/nồng độ của từng thành phần).

5.2. Các tác động khác:

Nêu tóm tắt các tác động (nếu có) do: sự xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; sự biến dổi vi khí hậu; sự suy thoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.

VI. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

6.1. Xử lý chất thải:

- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp xử lý tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải có chứng minh rằng, sau khi áp dụng biện pháp thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có những kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

6.2. Giảm thiểu các tác động khác:

Mỗi loại tác động phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

VII. CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

7.1. Các công trình xử lý môi trường:

- Liệt kê đầy đủ các công trình xử lý môi trường đối với các chất thải rắn, lỏng, khí và chất thải khác trong khuôn khổ của dự án; kèm theo tiến độ thi công cụ thể cho từng công trình;

- Các công trình xử lý môi trường phải được làm rõ về chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết.

7.2. Chương trình giám sát môi trường:

Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng cho chất thải của dự án theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

VIII. CAM KẾT THỰC HIỆN

Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

Cam kết thực hiện theo đúng các nội dung đã xây dựng trong kế hoạch bảo vệ môi trường trường này.

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản cam kết; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chủ dự án

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Phụ lục V

MẪU ĐƠN XIN CẤP PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư:

- Người đại diện: .....Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường .....
- Phường (xã): .....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Số điện thoại: .....

2. Địa điểm xây dựng:

- Lô đất số: ..... Diện tích .....m^2
- Tại: .....đường .....
- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
- Tỉnh, thành phố .....
- Nguồn gốc đất:

3. Nội dung xin phép xây dựng tạm Bãi tập kết cát sỏi:

- Công trình: (nhà điều hành, hàng rào, sân, cây xanh, bến,...vv)
- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng : .....m^2;
- Chiều cao công trình: .....m; số tầng: .....

4. Đơn vị hoặc người thiết kế: .....

- Địa chỉ:
- Điện thoại:

5. Phương án phá dỡ khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền

.....

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: .....tháng.

7. Tôi xin cam kết làm theo đúng giấy phép được cấp và tự dỡ bỏ công trình khi Nhà nước thực hiện quy hoạch theo thời gian ghi trong giấy phép được cấp. Nếu không thực hiện đúng cam kết tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Phụ lục VI

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THUỶ NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân (3).....

Địa chỉ: (4) .....

Số điện thoại: ..... Số FAX .....

Làm đơn đề nghị được cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (2) .....

Vị trí bến: (5) : từ km thứ .....đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái) ..... sông, (kênh) .....

Thuộc xã (phường) ....., huyện (quận).....

Tỉnh (thành phố): .....

Bến thuộc loại: (6): .....

Bến được sử dụng để: (7).....

Phạm vi vùng nước sử dụng (8)

- Chiều dài:.....mét, dọc theo bờ;
- Chiều rộng..... mét, từ mép bờ trở ra.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước (9)

.....

Thời hạn xin hoạt động từ ngày..... đến ngày.....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Người làm đơn

Ký tên

(1) Ghi rõ tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

(2) Ghi tên bến,

(3) Ghi tên chủ bến.

(4) Ghi địa chỉ của trụ sở chính. Có thể ghi thêm số điện thoại, số FAX, E-mail để tiện liên hệ.

(5) Ghi rõ bến nằm từ km thứ..... đến km thứ..... thuộc bờ (phải hay trái) của sông (kênh) nào, thuộc xã (phường), huyện (quận), tỉnh (Thành phố) nào. (có thể ghi theo tọa độ nếu bến không thể xác định vị trí theo lý trình).

(6) Ghi rõ là bến thông thường, bến nổi hay cụm bến.

(7) Ghi rõ là bến hành khách hay xếp dỡ hàng hóa thông thường, xếp dỡ xăng dầu hay bến chuyên dùng.

(8) Ghi rõ chiều dài, chiều rộng vùng nước của bến. Tùy trường hợp có thể ghi thêm cách vật chuẩn ..... mét.